

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy;  
Bà Nguyễn Thị Thương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Kiều T - Sinh năm 1986.

ĐKHKTT: 45 Hàm N, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Phố Điền L, xã Điền L, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C - Sinh năm 1979.

Địa chỉ: 45 Hàm N, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân C kết hôn với nhau năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đông H, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số nhà 45 Hàm N, phường Đông H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Ngoài ra anh Ch không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn của vợ chồng chị càng tăng nhất từ tháng 4/2020, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Phố Điền L, xã Điền L, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 19/01/2016. Ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu anh C cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị vì hiện nay chị làm thợ may, có thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng, còn anh C chưa có công ăn việc làm ổn định. Kể từ khi vợ chồng chị sống ly thân nhau, cháu Y sống cùng với chị tại nhà bố mẹ đẻ của chị, chị vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đảm bảo về mọi mặt.

Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh C đến Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C, giao cháu Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T; về phần tài sản, công nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa, việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Xuân C đã được Tòa án triệu tập hợp

lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh C.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Ngoài ra anh C còn không tu chí làm ăn, không quan tâm, chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị càng tăng nhất từ tháng 4/2020, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Phố Điền L, xã Điền L, huyện Bá T, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Chị T và anh C đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C đã không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp chứng tỏ anh cũng không tha thiết hòa giải để đoàn tụ gia đình. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, tại phiên tòa chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: quá trình chị và anh C sinh sống tại địa phương vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh C là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Chị T và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 19/01/2016. Kể từ khi chị T và anh C sống ly thân cho đến nay cháu Y sống cùng với mẹ, chị T vẫn nuôi dạy cháu bảo đảm về mọi mặt. Hiện nay chị T tuy là lao động tự do nhưng có thu nhập, chỗ ở ổn định, ngoài ra cháu Y hiện nay đang còn nhỏ, cần có sự chăm sóc đặc biệt của mẹ. Vì vậy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung của chị T có cơ sở để chấp nhận.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Kiều T được ly hôn anh Nguyễn Xuân C.

Về con chung: Chị T và anh C có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 19/01/2016, ly hôn giao cháu Y cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị T.

Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Kiều T phải chịu 300.000® án phí ly hôn s- thêm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000® chị ®. nếp theo bi^n lai sè AA/2018/0001255 ngày 09/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND phường Đông H,  
TP Thanh Hóa;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thu Phương**